TRƯỜNG THCS GIA QUẤT
Năm học 2024 - 2025

ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ I
Môn: NGỮ VĂN 6
Ngày thi: 26/12/2024
(Thời gian làm bài: 90 phút, không kể thời gian giao đề)

I. MỤC TIÊU CẦN ĐẠT:

1. Kiến thức: Kiểm tra đánh giá kết quả học tập của học sinh về các đơn vị kiến thức:
- HS xác định đúng thể loại truyện ngắn; thơ có yếu tố tự sự, miêu tả; thơ lục bát
- HS củng cố được kiến thức về từ đơn, từ phức, nghĩa của từ, cụm từ, từ đồng âm, từ đa nghĩa; biện pháp tu từ so sánh, nhân hóa, ẩn dụ, điệp ngữ, hoán dụ
- HS vận dụng viết đoạn văn trình bày cảm nhận về một bài thơ lục bát, viết bài văn kể lại một trải nghiệm của em.

2. Năng lực:
- Năng lực chung: năng lực tư duy, năng lực cảm thụ, năng lực giải quyết vấn đề, …
- Năng lực chuyên biệt: năng lực hiểu chính xác nội dung từ, xác định được giá trị, tác dụng của các biện pháp tu từ trong việc bộc lộ nội dung văn bản, năng lực sử dụng tiếng Việt trong việc viết đúng câu, dùng từ đúng nghĩa và diễn đạt nội dung mạch lạc...; năng lực đọc hiểu văn bản theo đặc trưng thể loại

3. Phẩm chất:
- Bồi dưỡng phẩm chất lương thiện, bao dung.
- Học bài và làm bài thi nghiêm túc.

II. MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA

TT	Kĩ năng	Nội dung/đơn vị kiến thức	Mức độ nhận thức								Tổng % điểm
			Nhận biết		Thông hiểu		Vận dụng		Vận dụng cao		
			TNKQ	TL	TNKQ	TL	TNKQ	TL	TNKQ	TL	
1	Đọc hiểu	Truyện ngắn Thơ có yếu tố tự sự, miêu tả Thơ lục bát	5	1/2	3	1/2	0	1	0	0	60
2	Viết	Viết đoạn văn ghi lại cảm xúc về một bài thơ lục bát Viết bài văn kể lại trải nghiệm của bản thân	0	1*	0	1*	0	1*	0	1*	40
Tổng			*12.5*	*17.5*	*7.5*	*22.5*	*0*	*30*	*0*	*10*	100
Tỉ lệ %			30%		30%		30%		10%		
Tỉ lệ chung			60%				40%				

III. BẢNG ĐẶC TẢ ĐỀ KIỂM TRA

TT	Năng lực	Đơn vị kiến thức	Mức độ đánh giá	Số câu hỏi theo cấp độ tư duy			
				NB	TH	VD	VDC
1	Đọc hiểu	Truyện ngắn	**Nhận biết:** - Nhận biết được chi tiết tiêu biểu, nhân vật, đề tài, cốt truyện, lời người kể chuyện và lời nhân vật. - Nhận biết được người kể chuyện ngôi thứ nhất và người kể chuyện ngôi thứ ba. - Nhận ra từ đơn và từ phức (từ ghép và từ láy); từ đa nghĩa và từ đồng âm, các thành phần của câu; cụm từ. - Nhận biết biện pháp tu từ so sánh, nhân hóa, điệp ngữ, ẩn dụ, hoán dụ. **Thông hiểu:** - Tóm tắt được cốt truyện. - Nêu được chủ đề của văn bản.	5TN 1/2TL*	3TN 1/2 TL*	1TL	

			- Phân tích được tình cảm, thái độ của người kể chuyện thể hiện qua ngôn ngữ, giọng điệu. - Hiểu và phân tích được tác dụng của việc lựa chọn ngôi kể, cách kể chuyện. - Phân tích được đặc điểm nhân vật thể hiện qua hình dáng, cử chỉ, hành động, ngôn ngữ, ý nghĩ của nhân vật. - Giải thích được nghĩa thành ngữ thông dụng, yếu tố Hán Việt thông dụng; nêu được tác dụng của các biện pháp tu từ (so sánh, điệp ngữ, ẩn dụ, hoán dụ), công dụng của dấu chấm phẩy, dấu ngoặc kép được sử dụng trong văn bản. **Vận dụng**: - Trình bày được bài học về cách nghĩ, cách ứng xử do văn bản gợi ra. - Chỉ ra được điểm giống nhau và khác nhau giữa hai nhân vật trong hai văn bản.				
		Thơ có yếu tố tự sự, miêu tả	**Nhận biết:** - Nhận biết thể thơ của văn bản. - Nhận biết được số tiếng, số dòng, vần, nhịp của bài thơ. - Nhận diện được các yếu tố tự sự và miêu tả trong thơ. - Chỉ ra được tình cảm, cảm xúc của người viết thể hiện qua ngôn ngữ văn bản. - Nhận ra từ đơn và từ phức (từ ghép và từ láy); từ đa nghĩa và từ đồng âm, các thành phần của câu; cụm từ. - Nhận biết biện pháp tu từ so sánh, nhân hóa, điệp ngữ, ẩn dụ, hoán dụ. **Thông hiểu**: - Nêu được chủ đề của bài thơ, cảm xúc chủ đạo của nhân vật trữ tình trong bài thơ. - Nhận xét được nét độc đáo của bài thơ thể hiện qua từ ngữ, hình ảnh, biện pháp tu từ. - Chỉ ra tác dụng của các yếu tố tự sự và miêu tả trong thơ.				

			Vận dụng: - Trình bày được bài học về cách nghĩ và cách ứng xử được gợi ra từ văn bản. - Đánh giá được giá trị của các yếu tố vần, nhịp.				
		Thơ lục bát	**Nhận biết:** - Nêu được ấn tượng chung về văn bản. - Nhận biết được số tiếng, số dòng, vần, nhịp của bài thơ. - Chỉ ra được tình cảm, cảm xúc của người viết thể hiện qua ngôn ngữ văn bản. - Nhận ra từ đơn và từ phức (từ ghép và từ láy); từ đa nghĩa và từ đồng âm, các thành phần của câu; cụm từ. - Nhận biết biện pháp tu từ so sánh, nhân hóa, điệp ngữ, ẩn dụ, hoán dụ. **Thông hiểu**: - Nêu được nội dung, chủ đề của bài thơ, cảm xúc chủ đạo của nhân vật trữ tình trong bài thơ. - Nhận xét được nét độc đáo của bài thơ thể hiện qua từ ngữ, hình ảnh, biện pháp tu từ, gieo vần, ngắt nhịp. - Hiểu và lí giải được ý nghĩa của một số chi tiết, hình ảnh nổi bật trong văn bản. **Vận dụng:** - Trình bày được bài học về cách nghĩ và cách ứng xử được gợi ra từ văn bản. - Đánh giá được giá trị của các yếu tố vần, nhịp.				
2	**Viết**	Viết đoạn văn ghi lại cảm xúc về một bài thơ lục bát	**Nhận biết:** **Thông hiểu:** **Vận dụng:** **Vận dụng cao:** Viết được đoạn văn ghi lại cảm xúc về một bài thơ lục bát; thể hiện được những cảm xúc chung về bài thơ và chỉ ra được những nét độc đáo trong cách sử dụng từ ngữ, hình ảnh, biện pháp tu từ.				1 TL*

		Kể lại một trải nghiệm của bản thân	**Nhận biết:** **Thông hiểu:** **Vận dụng:** **Vận dụng cao:** Viết được bài văn kể lại một trải nghiệm của bản thân; sử dụng ngôi kể thứ nhất để chia sẻ trải nghiệm và thể hiện cảm xúc trước sự việc được kể.				
Tổng				**5TN 1/2TL***	**3TN 1/2TL***	**1TL**	**1TL***
Tỉ lệ %				**30%**	**30%**	**30%**	**10%**
Tỉ lệ chung				**60%**		**40%**	

Ban Giám hiệu **Tổ chuyên môn** **Nhóm chuyên môn**

Phạm Thị Thanh Bình **Trần Thu Thủy** **Nguyễn Thị Tiệp**

TRƯỜNG THCS GIA QUẤT
Năm học 2024 - 2025

MÃ ĐỀ NV601

ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ I
Môn: Ngữ văn 6
Ngày thi: 26/12/2024
(Thời gian làm bài: 90 phút, không kể thời gian giao đề)

I. ĐỌC HIỂU (6.0 điểm)

Đọc đoạn thơ sau:

Bao nhiêu khổ nhọc cam go
Đời cha chở nặng chuyến đò gian nan!
Nhưng chưa một tiếng thở than
Mong cho con khỏe, con ngoan vui rồi
Cha như biển rộng mây trời
Bao la nghĩa nặng đời đời con mang!

(Phan Thanh Tùng, trích *Ngày của cha, Tuyển tập những bài thơ hay về ngày của cha*, NXB Trẻ, 2004).

Trả lời các câu hỏi bằng cách ghi ra giấy kiểm tra chữ cái đứng trước phương án trả lời đúng.

Câu 1. Đoạn thơ trên thuộc thể thơ nào?
A. Thơ bốn chữ.
B. Thơ lục bát.
C. Thơ năm chữ.
D. Thơ tự do.

Câu 2. Đối tượng trữ tình trong đoạn thơ trên là
A. người cha. **B.** người con. **C.** người mẹ **D.** thiên nhiên

Câu 3. Xác định cách ngắt nhịp chính xác trong câu thơ sau: "Bao nhiêu khổ nhọc cam go"
A. Nhịp 2/2/2
B. Nhịp 1/3/1
C. Nhịp 2/3/1
D. Nhịp 1/2/3

Câu 4. Xác định các tiếng được gieo vần với nhau trong bốn câu thơ cuối đoạn thơ trên
A. Than – ngoan, rồi – trời – đời.
B. Nan – than – ngoan, rồi – trời.
C. Go – đò, nan – than – ngoan.
D. Nan – than, rồi – trời – đời.

Câu 5. Từ "gian nan" trong câu thơ: "Đời cha chở nặng chuyến đò gian nan" thuộc từ loại nào?
A. Danh từ. **B.** Động từ. **C.** Tính từ. **D.** Đại từ.

Câu 6. Nhận xét nào đúng về hình ảnh người cha trong bài thơ trên?
A. Người cha hi sinh thầm lặng, tần tảo vì con.
B. Người cha nghiêm khắc, nóng nảy, quyết đoán.
C. Người cha hiền lành, luôn gánh chịu thiệt thòi.
D. Người cha đầy sáng tạo, ham học hỏi.

Câu 7. Nhân vật trữ tình đã bộc lộ tình cảm, cảm xúc gì qua câu thơ: "Bao la nghĩa nặng đời đời con mang"?
A. Kính trọng, biết ơn, báo đáp lại công ơn của cha.
B. Yêu mến, ngưỡng mộ, hi sinh vì cha.
C. Nỗi nhớ cha của người con xa nhà, xa quê hương.
D. Buồn bã, thất vọng, khó chịu vì cha.

Câu 8. Chủ đề của đoạn thơ trên là gì?
A. Tình yêu thương con người.
B. Tình phụ tử cao cả thiêng liêng.
C. Ý nghĩa của nghị lực trong hoàn cảnh khó khăn.
D. Những thành công trong cuộc đời người cha.

Thực hiện yêu cầu/trả lời câu hỏi.

Câu 9 (2.0 điểm). Chỉ rõ và phân tích tác dụng của biện pháp tu từ so sánh được sử dụng trong câu thơ:

Cha như biển rộng mây trời
Bao la nghĩa nặng đời đời con mang!

Câu 10 (2.0 điểm). Để giúp cho cha mẹ vơi bớt đi những gánh nặng nhọc nhằn, em cần phải làm gì trong học tập và cuộc sống hằng ngày? (Nêu ít nhất 02 hành động, việc làm).

II. VIẾT (4.0 điểm)

Chọn một trong hai đề bài sau:

Đề 01: Viết 01 đoạn văn (khoảng 01 trang giấy thi) trình bày cảm nhận của em về một bài thơ lục bát mà em yêu thích.

Đề 02: Viết 01 bài văn kể lại trải nghiệm một lần em giúp đỡ người khác hoặc nhận được sự giúp đỡ từ những người xung quanh.

---------- Hết ----------

TRƯỜNG THCS GIA QUẤT
Năm học 2024 – 2025

MÃ ĐỀ NV602

ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ I
Môn: Ngữ văn 6
Ngày thi: 26/12/2024
(Thời gian làm bài: 90 phút, không kể thời gian giao đề)

I. ĐỌC HIỂU (6.0 điểm)

Đọc văn bản sau:

NẤU CƠM

Có một lần, bố tôi ốm nặng, nằm trên giường bệnh hơn nửa tháng rồi mà không tỉnh. Vào một buổi chiều, đột nhiên ông tỉnh lại.

Khi ấy, miệng ông động đậy không ngừng. Mẹ tôi tiến sát lại gần, nói với bố: "Ông cứ từ từ nói, tôi vẫn nghe đây".

Bố tôi yếu ớt thốt lên rằng: "Con gái sắp đi học về, bà đã nấu cơm chưa?".

Có những lúc con người ta không hề biết, được làm con của cha của mẹ là điều hạnh phúc biết bao nhiêu. Vì bất luận bản thân họ phải trải qua những gì, điều đầu tiên họ nghĩ đến luôn là: "Con cái có khỏe không".

(Theo *https://www.ngonluanho.net/2012/08/nhung-cau-chuyen-ngan-ve-gia-dinh.html*)

Trả lời các câu hỏi bằng cách ghi ra giấy kiểm tra chữ cái đứng trước phương án trả lời đúng.

Câu 1. Văn bản trên thuộc thể loại nào?
A. Truyện đồng thoại.
B. Truyện cổ tích.
C. Truyện ngắn.
D. Truyện truyền thuyết.

Câu 2. Ngôi kể được sử dụng trong văn bản trên là gì?
A. Ngôi kể thứ nhất.
B. Ngôi kể thứ ba.
C. Ngôi kể thứ hai.
D. Ngôi kể thứ nhất và thứ ba.

Câu 3. Cụm từ "sắp đi học về" là cụm từ gì?
A. Cụm danh từ.
B. Cụm tính từ.
C. Cụm động từ.
D. Đại từ.

Câu 4. Những câu văn: "Khi ấy, miệng ông động đậy không ngừng. Mẹ tôi tiến sát lại gần, nói với bố*:* Ông cứ từ từ nói, tôi vẫn nghe đây"có bao nhiêu từ láy?
A. Một từ.
B. Hai từ.
C. Ba từ.
D. Bốn từ.

Câu 5. Nhân vật chính trong văn bản trên là ai?
A. Bố của người kể chuyện.
B. Mẹ của người kể chuyện.
C. Người kể chuyện.
D. Người bà của người kể chuyện.

Câu 6. Từ "đột nhiên" trong câu: "Vào một buổi chiều, ông đột nhiên tỉnh lại" có nghĩa là gì?
A. Diễn tả hành động chậm rãi và khoan thai.
B. Diễn tả hành động xảy ra nhanh chóng và bất ngờ.
C. Diễn tả sự vô tâm, lạnh nhạt.
D. Diễn tả sự yêu mến, hạnh phúc.

Câu 7. Tại sao người kể chuyện lại cho biết: "Bố tôi yếu ớt thốt lên"?
A. Để diễn tả sự yếu đuối trong cách nói của bố.
B. Gợi hình ảnh người bố mệt mỏi vì bệnh tật những vẫn cố gắng gượng để nói.
C. Để làm nổi bật sự khẩn thiết trong lời hỏi thăm của bố.
D. Để mô tả cảm giác bất lực của bố trong tình trạng bệnh.

Câu 8. Chủ đề chính của văn bản trên là gì?

A. Tình cảm gia đình và sự quan tâm của cha mẹ đối với con cái.

B. Tình mẫu tử cao cả thiêng liêng.

C. Sự vô tâm của con cái với cha mẹ.

D. Ca ngợi ý chí, nghị lực vươn lên trong nghịch cảnh.

Thực hiện yêu cầu/trả lời câu hỏi.

Câu 9 (2.0 điểm). Hãy xác định và nêu tác dụng của người kể chuyện, ngôi kể được sử dụng trong văn bản trên.

Câu 10 (2.0 điểm). Từ văn bản trên, em hãy rút ra bài học về bổn phận của con cái đối với cha mẹ. (Nêu ít nhất 02 bài học).

II. VIẾT (4.0 điểm)

Chọn một trong hai đề bài sau:

Đề 01: Viết 01 đoạn văn (khoảng 01 trang giấy thi) trình bày cảm nhận của em về một bài thơ lục bát mà em yêu thích.

Đề 02: Viết 01 bài văn kể lại trải nghiệm một lần em giúp đỡ người khác hoặc nhận được sự giúp đỡ từ những người xung quanh.

---------- Hết ----------

TRƯỜNG THCS GIA QUẤT
Năm học 2024 – 2025

ĐỀ DỰ PHÒNG

ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ I
Môn: Ngữ văn 6
Ngày thi: 26/12/2024
(Thời gian làm bài: 90 phút, không kể thời gian giao đề)

I. ĐỌC HIỂU (6.0 điểm)
Đọc văn bản sau:

CÂY DỪA

Cây dừa xanh tỏa nhiều tàu
Dang tay đón gió, gật đầu gọi trăng
Thân dừa bạc phếch tháng năm
Quả dừa - đàn lợn con nằm trên cao

Đêm hè hoa nở cùng sao
Tàu dừa - chiếc lược chải vào mây xanh
Ai mang nước ngọt, nước lành
Ai đeo bao hũ rượu quanh cổ dừa

Tiếng dừa làm dịu nắng trưa
Gọi đàn gió đến cùng dừa múa reo
Trời trong đầy tiếng rì rào
Đàn cò đánh nhịp bay vào bay ra...

Đứng canh trời đất bao la
Mà dừa đủng đỉnh như là đứng chơi.

(Trần Đăng Khoa, trích *Góc sân và khoảng trời*, NXB Giáo dục, 2002)

Trả lời các câu hỏi bằng cách ghi ra giấy kiểm tra chữ cái đứng trước phương án trả lời đúng.

Câu 1. Bài thơ trên được viết theo thể thơ nào?
A. Thơ bốn chữ. **B.** Thơ lục bát.
C. Thơ năm chữ. **D.** Thơ tự do.

Câu 2. Hình ảnh nào không được nhắc đến trong bài thơ.
A. Đêm hè. **B.** Nắng trưa.
C. Đàn cò. **D.** Chiều thu.

Câu 3. Dòng thơ: "Dang tay đón gió, gật đầu gọi trăng" có mấy cụm động từ?
A. Một cụm động từ. **B.** Hai cụm động từ.
C. Ba cụm động từ. **D.** Bốn cụm động từ.

Câu 4. Xác định các tiếng được gieo vần với nhau trong khổ thơ thứ hai
A. sao - vào, xanh – lành - quanh. **B.** trưa – dừa, reo – rào - vào.
C. tàu – đầu, trăng – năm – nằm. **D.** rào – vào, ra – la – là.

Câu 5. Bài thơ "Cây dừa" có bao nhiêu từ láy?
A. Một từ. **B.** Hai từ.
C. Ba từ. **D.** Bốn từ.

Câu 6. Vì sao tác giả lại lựa chọn hình ảnh "chiếc lược chải vào mây xanh" để miêu tả tàu dừa?
A.Vì tàu dừa có hình dạng giống như chiếc lược.
B. Vì tàu dừa thường xuyên được sử dụng để làm lược chải tóc.
C.Vì tàu dừa mọc xòe ra và đong đưa như chiếc lược chải nhẹ nhàng lên bầu trời.
D. Vì tàu dừa mềm mại như mái tóc.

Câu 7. Giọng điệu của bài thơ "Cây dừa" được thể hiện như thế nào?
A. Trầm lắng, buồn bã. **B.** Vui tươi, nhộn nhịp.
C. Nhẹ nhàng, trữ tình. **D.** Hùng tráng, mạnh mẽ.

Câu 8. Chủ đề của bài thơ "Cây dừa" là gì?

A. Nỗi vất vả của người trồng dừa trên miền đất cát trắng.

B. Vẻ đẹp và sự vững chãi của cây dừa, đồng thời thể hiện tình yêu thiên nhiên.

C. Nói về sự hi sinh thầm lặng của cây dừa trong cuộc sống con người.

D. Phê phán sự hủy hoại cây dừa của con người.

Thực hiện yêu cầu/trả lời câu hỏi.

Câu 9 (2.0 điểm). Chỉ ra và phân tích tác dụng của biện pháp tu từ được sử dụng trong câu thơ:

Cây dừa xanh tỏa nhiều tàu

Dang tay đón gió, gật đầu gọi trăng

Câu 10 (2.0 điểm). Hình ảnh cây dừa trong bài thơ đã khơi gợi trong em những phẩm chất đáng quý nào của con người Việt Nam? (Nêu ít nhất 02 phẩm chất)

II. VIẾT (4.0 điểm)

Chọn một trong hai đề bài sau:

Đề 01: Viết 01 đoạn văn (khoảng 01 trang giấy thi) trình bày cảm nhận của em về một bài thơ lục bát mà em yêu thích.

Đề 02: Viết 01 bài văn kể lại trải nghiệm một lần em giúp đỡ người khác hoặc nhận được sự giúp đỡ từ những người xung quanh.

---------- Hết ----------